
Số: /2020/TTLT-BTP - VKSNDTC-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP TRONG THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014 (sau đây gọi chung là Luật Thi hành án dân sự);

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc phối hợp lập báo cáo thống kê, gửi báo cáo thống kê, tiếp ký; gửi, nhận báo cáo thống kê; tổng hợp số liệu, các chỉ tiêu thống kê và kiểm tra liên ngành trong thống kê thi hành án dân sự giữa Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này được áp dụng đối với:

1. Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Chi cục Thi hành án dân sự); Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Thi hành án dân sự) và Bộ Tư pháp.

2. Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện); Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh), Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện); Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp tỉnh), Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 3. Chỉ tiêu thống kê thi hành án dân sự liên ngành

1. Chỉ tiêu thống kê thi hành án dân sự liên ngành bao gồm:

- a) Thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc;
- b) Thống kê kết quả thi hành án dân sự về tiền (tiền và giá trị tài sản);
- c) Thống kê yêu cầu Tòa án sửa chữa, bổ sung, giải thích; kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và kết quả xử lý của Tòa án;
- d) Thống kê yêu cầu xác định, phân chia tài sản; yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu; kết quả giải quyết của Tòa án;
- đ) Thống kê kiểm sát công tác thi hành án dân sự (kiểm sát trực tiếp và kiểm sát tuân theo pháp luật).

2. Các chỉ tiêu có điều kiện, chưa có điều kiện, cách tính chỉ tiêu và các chỉ tiêu khác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

Điều 4. Biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự liên ngành

1. Biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự liên ngành ban hành kèm tại các Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này, bao gồm:

- a) Biểu số 01/TKLN-THADS - Thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc.
- b) Biểu số 02/TKLN-THADS - Thống kê kết quả thi hành án dân sự về tiền;
- c) Biểu số 03/TKLN-THADS - Thống kê số bản án, quyết định mà cơ quan Thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án sửa chữa, bổ sung, giải thích; kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

d) Biểu số 04/TKLN-THADS - Thống kê số việc cơ quan Thi hành án dân sự yêu cầu xác định, phân chia tài sản; yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu; kết quả giải quyết của Tòa án.

d) Biểu số 05/TKLN-THADS - Thống kê kết quả kiểm sát thi hành án dân sự.

2. Giải thích một số từ ngữ và hướng dẫn ghi chép biểu mẫu (được hướng dẫn kèm theo từng biểu mẫu cụ thể).

Điều 5. Kỳ báo cáo thống kê về thi hành án dân sự liên ngành

1. Kỳ báo cáo thống kê tháng bắt đầu từ ngày 01/10 của năm trước và kết thúc vào ngày cuối cùng của các tháng tương ứng với kỳ thống kê đó.

2. Kỳ báo cáo thống kê năm là kỳ báo cáo thống kê 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước và kết thúc ngày 30/9 của năm tiếp theo liền kề.

Báo cáo thống kê liên ngành được thực hiện tại kỳ báo cáo 3 tháng, 6 tháng, 10 tháng và 12 tháng.

Điều 6. Đơn vị tính và phương pháp tính sử dụng trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự liên ngành

1. Đơn vị tính được quy định cụ thể trong các biểu mẫu thống kê, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Số liệu báo cáo thống kê tại các kỳ được tính theo phương pháp lũy kế.

Chương II

LẬP, GỬI BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA

LIÊN NGÀNH TRONG THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 7. Lập, tiếp ký báo cáo thống kê thi hành án dân sự liên ngành

1. Lập báo cáo thống kê

a) Chi cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo thống kê Biểu mẫu số 01/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 02/TKLN-THADS quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch này;

b) Chi cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện; Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo thống kê Biểu mẫu số 03/TKLN-THADS và Biểu mẫu số 04/TKLN-THADS quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch này;

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự lập báo cáo thống kê theo Biểu mẫu số 05/TKLN-THADS được quy định tại đ khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch này;

d) Sau khi có báo cáo thống nhất liên ngành, Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì phối hợp với Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao rà soát, thống nhất đối với các biểu mẫu quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này;

đ) Việc lập báo cáo thống kê thi hành án dân sự liên ngành trong quân đội thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

2. Tiếp ký báo cáo thống kê

a) Ngay sau khi hoàn thành việc lập báo cáo, cơ quan Thi hành án dân sự gửi Biểu mẫu số 01/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 02/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 05/TKLN-THADS tới Viện kiểm sát nhân dân để ký xác nhận;

b) Ngay sau khi hoàn thành việc lập báo cáo, cơ quan Thi hành án dân sự gửi Biểu mẫu số 03/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 04/TKLN-THA tới Tòa án nhân dân để ký xác nhận;

c) Ngay sau khi nhận được báo cáo của cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp đối chiếu, thống nhất các chỉ tiêu trong biểu mẫu và tiếp ký gửi và chuyển trả cơ quan chủ trì lập báo cáo để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Quá trình lập báo cáo thống kê, nếu không thống nhất về số liệu, thì cơ quan Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp rà soát, đối chiếu và thống nhất số liệu tại Biểu mẫu số 01/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 02/TKLN-THADS; cơ quan Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân cùng cấp rà soát, đối chiếu và thống nhất số liệu tại Biểu mẫu số 03/TKLN-THADS; 04/TKLN-THADS; Viện kiểm sát nhân dân chủ trì, phối hợp cơ quan Thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân cùng cấp để rà soát, đối chiếu và thống nhất số liệu tại Biểu mẫu số 05/TKLN-THADS.

Điều 8. Đính chính số liệu trong báo cáo thống kê liên ngành về thi hành án dân sự

Trường hợp đính chính số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự liên ngành, cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có số liệu cần được đính chính phải có văn bản giải trình; có sự thống nhất của các cơ quan cùng cấp đã tham gia ký xác nhận vào báo cáo thống kê đó và báo cáo lên cấp trên trực tiếp để thực hiện việc đính chính trong các báo cáo tổng hợp.

Điều 9. Gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự

1. Thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự

a) Chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, ngay sau khi nhận được báo cáo đã được các cơ quan ký xác nhận ký, Chi cục Thi hành án dân sự gửi báo cáo thống kê cho Cục Thi hành án dân sự; Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gửi báo cáo thống kê cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân cấp huyện gửi báo cáo thống kê cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, tổng hợp theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch này;

b) Chậm nhất sau 04 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, ngay sau khi nhận được báo cáo đã được các cơ quan ký xác nhận ký, Cục Thi hành án dân sự gửi báo cáo thống kê của toàn tỉnh cho Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự); Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao gửi báo cáo thống kê cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao gửi báo cáo thống kê cho Tòa án nhân dân tối cao để Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

c) Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, rà soát, tổng hợp báo cáo thống kê thi hành án dân sự liên ngành tại Trung ương và gửi số liệu cho nhau để đối soát.

Trường hợp số liệu không thống nhất, Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo rà soát, đối chiếu số liệu của Biểu mẫu số 01/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 02/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 03/TKLN-THADS, 04/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 05/TKLN-THADS để làm rõ nguyên nhân và xử lý.

2. Phương thức gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự

Báo cáo thống kê thi hành án dân sự được gửi tới nơi nhận bằng một trong các phương thức sau đây:

- a) Gửi bằng đường bưu điện;
- b) Gửi trực tiếp;

Để đảm bảo việc lập, gửi báo cáo thống kê đúng thời hạn, cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có thể gửi trước báo cáo thống kê bằng bản mềm và bản scan có đủ chữ ký liên ngành đến nơi nhận bằng thư điện tử bằng hộp thư điện tử được Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao cấp;

Điều 10. Kiểm tra liên ngành về thống kê thi hành án dân sự

Hàng năm, cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp trên có thể tổ chức kiểm tra liên ngành việc thực hiện báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với cấp dưới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương thực hiện Thông tư liên tịch này;

b) Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong việc rà soát, đối chiếu, tổng hợp số liệu thống kê báo cáo các cơ quan có thẩm quyền;

c) Chủ trì tổ chức cuộc họp liên ngành với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để đánh giá việc thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới thực hiện Thông tư liên tịch này;

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao trong việc rà soát, đối chiếu, tổng hợp số liệu thống kê báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

3. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Tòa án nhân dân cấp dưới thực hiện Thông tư liên tịch này;

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc rà soát, đối chiếu, tổng hợp số liệu thống kê báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Thông tư liên tịch này.

5. Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định của Thông tư liên tịch này;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Chi cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi ngành mình thực hiện Thông tư liên tịch này.

6. Chi cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày Thángnăm 202..., thay thế cho Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 31 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao theo thẩm quyền để giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ
TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Mai Lương Khôi

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website: Bộ Tư pháp, Viện KSNDTC, TANDTC;
- Lưu: VT, Bộ Tư pháp, Viện KSNDTC, TANDTC.